

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2021/HS-ST
Ngày 23-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Hợi và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Vũ Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2021/TLST- HS ngày 29/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST- HS ngày 27/4/2021 đối với các bị cáo:

1. Lã Thị Út H, sinh năm 1981;

HKTT: Khu 2, phường T, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Nơi cư trú: Số 17, Khu C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lã H (đã chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1946; có chồng là Trần Danh P, sinh năm 1978 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007 và con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2021 đến ngày 07/01/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Nguyễn Thị V, sinh năm 1956;

Nơi cư trú: Khu 6, phường T, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà

Tạ Thị L (đã chết); có chồng là Phạm Đình H (đã chết) và có 04 con, con lớn sinh năm 1971 và con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; *nhân thân: Bản án số 87/2008/HSST ngày 19/9/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Mua bán phụ nữ”*. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án ngày 19/9/2013; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2021 đến ngày 07/01/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

3. Lê Thị L, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Khu 6, phường T, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Hạ Thị, sinh năm 1939; có chồng là Nguyễn Đức L, sinh năm 1969 và có 03 con, con lớn sinh năm 1999 và con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; *nhân thân: Ngày 28/9/2009, Công an thành phố Bắc Ninh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không tố giác tội phạm, hình thức “Cảnh cáo”*; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2021 đến ngày 07/01/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

4. Phan Văn T, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Khu 7, phường T, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn K, sinh năm 1953 và bà Trần Thị C (đã chết); có vợ là Đào Thị T, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008 và con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2021 đến ngày 07/01/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

5. Bùi Văn K, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn D, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Cán bộ Sở Công thương tỉnh Bắc Ninh; đoàn thể: Đảng viên, bị Đình chỉ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 07/01/2021; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K, sinh năm 1953 và bà Tạ Thị M, sinh năm 1955; có vợ là Nguyễn Thị K, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008 và con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2021 đến ngày 07/01/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h ngày 04/01/2021, Nguyễn Thị V, Lê Thị L, Bùi Văn K và Phan Văn T đến nhà Lã Thị Út H chơi. Tại đây, cả bốn cùng rủ nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi Phỏm, được H đồng ý. H sắp xếp cho các đối tượng đánh bạc tại phòng bếp tầng 01 nhà H và chuẩn bị 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân để các đối tượng đánh bạc ăn tiền.

Quá trình chơi các đối tượng quy định chơi đánh bạc dưới hình thức đánh “phỏm” và quy định mức độ sát phạt là “Ừ” 300.000 đồng, người “Ừ” sẽ tự trích ra 50.000 đồng gọi là tiền hồ cho H; người về nhì, ba, bét phải trả cho người về nhất lần lượt là 50.000 đồng, 100.000 đồng và 150.000 đồng; người bị ăn quân bài sẽ phải vào giữa (tiền gà) tương ứng 20.000 đồng/quân bài bị ăn; đến vòng đánh thứ tư, nếu ai bị ăn quân bài sẽ gọi là ăn “Chốt”, người bị ăn chốt sẽ mất 200.000 đồng/quân bài bị ăn “Chốt” cho người ăn “Chốt”; người nào không có “Phỏm” gọi là “Cháy” và mất cho người về nhất 200.000 đồng. Quá trình chơi, K “Ừ” được một ván và đã trích ra 50.000 đồng tiền hồ cho H, để bên cạnh chiếu bạc.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 16h30’ cùng ngày thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: Thu tại chiếu bạc 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng và số tiền 5.250.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng tiền gà và 50.000 đồng tiền hồ để bên cạnh chiếu bạc; thu 01 túi xách màu đen, bên trong có số tiền 4.570.000 đồng của V để trên chiếu bạc. V khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc; thu 01 chiếc ví giả da màu đen, bên trong có số tiền 6.000.000 đồng của T để trên chiếu bạc. T khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai như sau:

- V khai nhận không nhớ sử dụng bao nhiêu tiền vào việc đánh bạc, được, thua. Đến khi bị bắt quả tang có 240.000 đồng để trên chiếu bạc và 4.570.000 đồng trong túi xách. Bị cáo V thừa nhận nếu đánh bạc thua sẽ tiếp tục sử dụng cả 4.570.000 đồng trong túi xách vào việc đánh bạc.

- L khai nhận sử dụng 1.800.000 đồng vào việc đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang còn 240.000 đồng.

- K khai nhận bỏ ra 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang có 3.100.000 đồng.

- T khai nhận không nhớ sử dụng bao nhiêu tiền vào việc đánh bạc, được, thua. Đến khi bị bắt quả tang có 1.520.000 đồng để trên chiếu bạc và 6.000.000 đồng để trong ví, sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 15.820.000 đồng.

*. Tại cáo trạng số 34/CT-VKSTPBN ngày 25/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Lã Thị Út H, Nguyễn Thị V, Lê Thị L, Phan Văn T và Bùi Văn K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

*. Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Luận tội và đề nghị như sau:

- Tuyên bố các bị cáo H, V, L, T và K phạm tội “Đánh bạc”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo V.
- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo H và L.
- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.
- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K.

+. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo H và V, mỗi bị cáo từ 14 tháng đến 16 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 28 tháng đến 32 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;
- Xử phạt các bị cáo L và T, mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 14 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;
- Xử phạt bị cáo K từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng;

+. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo H và L, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo V và T.

- Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+. Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 15.820.000 đồng thu giữ của các bị cáo, là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc;

+. Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bị thu giữ;

+ Trả lại cho bị cáo V 01 túi xách màu đen đã qua sử dụng bị thu giữ;

+ Trả lại cho bị cáo T 01 chiếc ví giả da màu đen đã qua sử dụng bị thu giữ.

*. Sau khi nghe bản luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đối đáp và bào chữa, mà thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng như bản luận tội đã nêu.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1. Nhận thấy, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 16h30' ngày 04/01/2021, tại nhà của Lã Thị Út H ở số 17 khu C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Công an thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh bắt quả tang các đối tượng Nguyễn Thị V, Lê Thị L, Phan Văn T và Bùi Văn K đang có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi phỏm; tổng số tiền các đối tượng đã đánh bạc là 15.820.000 đồng. Còn Lã Thị Út H có hành vi đồng ý cho mượn địa điểm, chuẩn bị công cụ, phương tiện để các đối tượng trên đánh bạc ăn tiền với mục đích thu tiền hồ. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng. Các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh đã truy tố.]

[2. Về vai trò, nhân thân, tính chất, mức độ của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo đồng phạm cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng mang tính giản đơn (vì không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể), bột phát và với vai trò ngang nhau.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị V: Nhận thấy, mặc dù bị cáo V đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích; hơn nữa, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào và tội phạm của bị cáo gây ra là nguy hại không lớn cho xã hội; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, bị cáo có thành tích phát hiện tội phạm, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phù hợp với Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Lã Thị Út H, Lê Thị L và Phan Văn T: Nhận thấy, các bị cáo này không có tình tiết tăng nặng nào và tội phạm của các bị cáo gây ra là nguy hại không lớn cho xã hội; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, các bị cáo có nhân thân tốt được chứng minh là ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo này hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phù hợp với Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Bùi Văn K: Nhận thấy, bị cáo này không có tình tiết tăng nặng nào và tội phạm của các bị cáo gây ra là nguy hại không lớn cho xã hội; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt được chứng minh là ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú cũng như hoàn thành tốt nhiệm vụ và chấp hành tốt nội quy quy chế của cơ quan; có nơi làm việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, xử phạt bị cáo một khoản tiền là phù hợp với Điều 35 của Bộ luật hình sự.]

[3. Về hình phạt bổ sung: Để thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo H và L, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

Còn đối với các bị cáo V và T, xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.]

[4. Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần:

- + Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 15.820.000 đồng thu giữ của các bị cáo, là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc;
- + Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bị thu giữ;
- + Trả lại cho bị cáo V 01 túi xách đã qua sử dụng bị thu giữ;
- + Trả lại cho bị cáo T 01 chiếc ví giả da màu đen đã qua sử dụng bị thu giữ.]

[5. Về các vấn đề khác: Đối với Đào Văn U', sinh năm 1967, HKTT: Khu 7, phường T, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh chứng kiến việc các đối tượng đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc nên không đề cập xử lý là phù hợp. Do đó, không đề cập xem xét.]

[6. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo V;
- Khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo H và L;
- Khoản 1 Điều 321, điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T;
- Khoản 1 Điều 321, điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K.

1.1. Tuyên bố các bị cáo Lã Thị Út H, Nguyễn Thị V, Lê Thị L, Phan Văn T và Bùi Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

1.2. Hình phạt:

1.2.1. Xử phạt các bị cáo Lã Thị Út H **14** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2.2. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị V **14** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2.3. Xử phạt các bị cáo Lê Thị L **12** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2.4. Xử phạt các bị cáo Phan Văn T **12** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo V, L và T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2.5. Xử phạt bị cáo Bùi Văn K **30.000.000** đồng để sung vào công quỹ nhà nước về tội “Đánh bạc”.

1.3. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lã Thị Út H và Lê Thị L, mỗi bị cáo **10.000.000** đồng để sung vào công quỹ nhà nước về tội “Đánh bạc”.

2. Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 15.820.000 đồng thu giữ của các bị cáo, là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc;

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bị thu giữ;

+ Trả lại cho bị cáo V 01 túi xách màu đen đã qua sử dụng bị thu giữ;

+ Trả lại cho bị cáo T 01 chiếc ví giả da màu đen đã qua sử dụng bị thu giữ.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo H, V, L, T và K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- *Tòa án tỉnh;*
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và cùng cấp;*
- *Cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp;*
- *UBND Phường V và Phường T;*
- *Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh, Đảng ủy Sở Công thương tỉnh Bắc Ninh;*
- *Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác (nếu có);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tuyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyền